

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2025/DS-ST
Ngày 25-9-2025
Về việc tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965 (chết ngày 07/12/2024).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1/ Bà Bùi Thị T, sinh ngày 01/01/1966 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 01/01/1987 (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 22/01/1990 (vắng mặt).

4/ Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/5/1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền, số chứng thực 951 ngày 18/12/2024 (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ

tổ tụng của nguyên đơn: Ông Biện Công N1 – Luật sư thuộc văn phòng L; Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Sơn Thị T2, sinh ngày 01/01/1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Thạch Hoài N2 (T), sinh ngày 11/10/1995 (vắng mặt).

2/ Bà Trương Thị N3, sinh ngày 01/01/1932 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày cho rằng ngày 10/3/2014, ông Thạch T3 và bà Sơn Thị T2 có chuyển nhượng cho ông phần đất ruộng 2,5 công tầm cây (khoảng 3.250m²), thửa đất số 192, tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng với giá 31,25 chỉ vàng 24K, đã giao đủ vàng cho ông T3, bà T2 và việc chuyển nhượng có lập văn bản. Từ khi chuyển nhượng, ông T3 và bà T2 đã giao đất cho ông quản lý, sử dụng đến nay. Hiện chưa làm thủ tục chuyển tên do phía bà T2 không hỗ trợ làm thủ tục, ông yêu cầu thì bà T2 chỉ hứa mà không thực hiện. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 192, tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà T2 có diện tích 1.048,3m² là sai sót trong quá trình cấp giấy, thực tế ông sử dụng phần đất thửa số 192 có diện tích 2,5 công tầm cây (khoảng 3.250m²).

Ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 2,5 công tầm cây (khoảng 3.250m²), thửa đất số 192, tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2024, ông P yêu cầu công nhận hợp đồng đối với phần đất thửa số 192, phần diện tích còn lại thì yêu cầu Tòa án đo đạc và công nhận theo hiện trạng thực tế.

Theo Tờ tường trình ngày 20/12/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/8/2025 của bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Ngọc H1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và tại phiên tòa, bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 10/3/2014 giữa ông Nguyễn Văn P với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 theo diện tích đo đạc thực tế 896m², thửa đất số 192 và 2.742m², thửa đất số 158, tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Quá trình giải quyết, bị đơn bà Sơn Thị T2 trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025: Bà và ông Thạch T3 có chuyển nhượng đất lúa cho ông P

2,5 công, loại công tầm cây với số tiền 70.000.000 đồng/công, thỏa thuận chuyển nhượng bằng tiền và đã nhận đủ tiền chuyển nhượng. Đồng thời bà và ông T3 cũng đã giao đất cho ông P sử dụng từ khi chuyển nhượng đất đến nay, phần đất chuyển nhượng cho ông P là chọn một mẫu có bờ. Bà và ông T3 là vợ chồng, ông T3 đã chết ngày 11/12/2018 âm lịch và có một người con chung tên Thạch Hoài N2. Đối với yêu cầu của ông P thì bà có chuyển nhượng đất là sự thật và đã giao đất, bà không có ý kiến. Trường hợp đo chênh lệch nhiều hơn thì phải trả lại cho bà, bà đồng ý công nhận cho ông P đủ diện tích chuyển nhượng là 2,5 công.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3 và ông Thạch Hoài N2 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1 và bà Nguyễn Ngọc H1 là ông Biện Công N1 trình bày: Ông P nhận chuyển nhượng đất của ông T3, bà T2 với diện tích 2,5 công tầm cây. Đến ngày 12/3/2014 khi giao nhận đất đã đo đạc phát hiện đất nhiều hơn nên ông P đã giao thêm 06 chỉ vàng để chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của 02 thửa đất. Tại thời điểm chuyển nhượng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng không biết đất thuộc 02 thửa, do phần đất giao nhận chung một miếng đã có bờ đất. Đến khi có nhu cầu làm thủ tục chuyển quyền và đăng ký quyền sử dụng đất, bà T2 giao giấy chứng nhận thửa đất số 192 nhưng diện tích nhỏ so với diện tích đất thực tế sử dụng, ông P có yêu cầu bà T2 hợp tác đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh thì bà T2 không đi nên ông P tiến hành khởi kiện. Theo kết quả thẩm định thì phần đất bên chuyển nhượng giao cho ông P có diện tích là 3.638m² thuộc thửa đất số 192 và số 158. Do việc chuyển nhượng đất được ông P đứng ra giao dịch, người thừa kế không rõ nên sau khi có kết quả thẩm định, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng xác lập ngày 10/3/2014 theo diện tích đo đạc thực tế. Qua tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chuyển nhượng đất là có thật nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn P với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 xác lập ngày 10/3/2014, ngày 12/3/2014 theo diện tích thực đo là 3.638m², gồm: Thửa đất số 192, diện tích 896m² và thửa đất số 158, diện tích 2.742m², cùng tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ phát biểu ý kiến: Thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, người có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn bà Sơn Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3, ông Thạch

Hoài N2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên. Về nội dung qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

- Ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 10/3/2014 giữa ông với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2. Ngày 07/12/2024 ông P chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khởi kiện bổ sung yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 10/3/2014 giữa ông P với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 theo diện tích thực đo 3.638m² thuộc thửa đất số 192 và số 158, tờ bản đồ số 76. Bị đơn bà Sơn Thị T2 đồng ý có chuyển nhượng phần đất lúa 2,5 công tầm cây và đã giao đất cho ông P chọn một mẫu đất. Đồng thời việc chuyển nhượng đất có lập văn bản, các bên đã thực hiện được 2/3 hợp đồng và bị đơn bà T2 đồng ý công nhận hợp đồng chuyển nhượng, người thừa kế của ông T3 là bà Trương Thị N3 và ông Thạch Hoài N2 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông P và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất ông P nhận chuyển nhượng của bà T2, ông T3 có diện tích thực đo 3.638m², gồm 896m², thửa đất số 192 và 2.742m², tờ bản đồ số 76 là đôi dư so với diện tích chuyển nhượng nhưng các bên chuyển nhượng và giao nhận đất sử dụng ổn định. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà T2 phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định, định giá theo quy định. Tuy nhiên cần ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng ý chịu 50% chi phí thẩm định, định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn và đối tượng tranh chấp có địa chỉ tại ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, đại diện hợp pháp cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Sơn Thị T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3, ông Thạch Hoài N2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm định, đo đạc phân đất tranh chấp tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 18/3/2025, phần đất tranh chấp thuộc 02 thửa là thửa đất số 192, diện tích 896m² và thửa số 158, diện tích 2.742m², tờ bản đồ số 76. Về giá trị quyền sử dụng đất được nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định giá trị là 70.000.000 đồng/công tầm cây. Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất với kết quả thẩm định và thỏa thuận về giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả này làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy: Tại lời khai ngày 17/01/2025, bà Sơn Thị T2 thừa nhận bà và ông Thạch T3 có chuyển nhượng phần đất lúa 2,5 công tầm cây cho ông Nguyễn Văn P, việc chuyển nhượng đất có lập hợp đồng ngày 10/3/2014, đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và giao đất cho ông P nhận từ khi chuyển nhượng. Lời thừa nhận của bà T2 là tình tiết, sự kiện có thật không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn P với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 được lập là giấy tay, không có công chứng hoặc chứng thực nên vi phạm về hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự 2005, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013 (Điều 502 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật đất đai 2024). Về nội dung hợp đồng không thể hiện số thửa đất và vị trí tọa lạc. Tuy nhiên quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được ông P đã nhận, quản lý, sử dụng phần đất của ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 thuộc thửa đất số 192 và 158, tờ bản đồ số 76, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ) phù hợp lời khai của bị đơn bà Sơn Thị T2. Như vậy có cơ sở xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 10/3/2014 đã thực hiện xong nghĩa vụ trong giao dịch nên không thuộc trường hợp vô hiệu do vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự.

[3.2] Đối với thửa đất số 192, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận số CU 032440 cho bà Sơn Thị T2 ngày 09/4/2020, diện tích 1.048,3m² và thửa đất số 158, tờ bản đồ số 76, diện tích 4.801m² thì theo Công văn số 746/UBND-VP ngày 03/6/2025 của UBND huyện T xác định ông Thạch T3 là người đứng tên quyền sử dụng đất, qua kiểm tra quyền sử dụng không đăng ký thế chấp. Xét về thực tế sử dụng thì bên nhận chuyển nhượng sử dụng 896m², thửa đất số 192 và còn lại 152,3m² không xác định do việc sử dụng đất tại thửa số 192 với các thửa đất kế cận đã được các bên xác định ranh bằng bờ đất và trụ đá tại các góc ruộng. Mặc dù về diện tích đất yêu cầu công nhận thì thửa đất số 192, diện tích 896m² chưa đảm bảo diện tích tối thiểu, nhưng đây là thửa đất độc lập và thửa đất

số 158, diện tích 2.742m² là đảm bảo nguyên tắc, điều kiện tách thửa quy định tại Điều 220 Luật đất đai 2024. Về ý kiến của bà Sơn Thị T2 cho rằng chuyển nhượng 2,5 công tầm cây và trường hợp đo chênh lệch nhiều hơn thì phải trả lại cho bà, nhận thấy thực tế phần đất ông P nhận có diện tích 3.638m² là dôi dư so với diện tích chuyển nhượng nhưng các bên chuyển nhượng và đã giao nhận đất sử dụng ổn định.

[3.3] Qua phân tích tại mục [3], [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn P với ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 xác lập ngày 10/3/2014.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí và chi phí thẩm định theo quy định tại Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T và bà H đồng ý chịu 50% chi phí thẩm định, Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị đơn phải chịu 50% còn lại.

[5] Xét lời yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và đề nghị của Vị Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng sự; Điều 220 Luật đất đai năm 2024; Điều 129, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn P.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Thạch T3, bà Sơn Thị T2 và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn P xác lập ngày 10/3/2014 đối với phần đất có diện tích thực đo 3.638m², gồm: Thửa đất số 192, diện tích 896m² và thửa đất số 158, diện tích 2.742m², tờ bản đồ số 76, loại đất LUC, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ. Phần đất thửa số 192 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận số CU 032440 của cho bà Sơn Thị T2 ngày 09/4/2020 và thửa đất số 158 ông Thạch T3 là người đứng tên quyền sử dụng đất (theo Công văn số 746/UBND-VP ngày 03/6/2025 của UBND huyện T).

- Ông Nguyễn Văn P chết, giao người thừa kế của ông P là bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Ngọc H1 được nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 192, diện tích 896m² và thửa đất số 158, diện tích 2.742m², tờ bản đồ số 76, loại đất LUC, tọa lạc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nêu trên.

Phần đất thửa số 192 và 158 được công nhận có vị trí và số đo chiều dài các cạnh thể hiện tại sơ đồ đo đạc đất tranh chấp được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 18/3/2025 (nay là Chi nhánh văn phòng Đ) kèm theo.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Ngọc H1 phải chịu 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.551.834 đồng và đã thực hiện xong.

- Bị đơn bà Sơn Thị T2 phải chịu án phí 300.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.551.834 đồng. Số tiền 7.551.834 đồng mà bà T2 giao nộp được hoàn trả cho người thừa kế của ông P là bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Ngọc H1 nhận.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P (người thừa kế của ông P là bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Ngọc H1 nhận) tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004052 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp cho đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh Mai